

Số: **01**/2022/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **12** tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế quản lý, vận hành và khai thác
các hệ thống giám sát hình ảnh trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng ngày 19 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật An ninh mạng ngày 12 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 165/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về quy định việc quản lý, sử dụng và danh mục các phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ được sử dụng để phát hiện vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông và bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 59/TTr-STTTT ngày 17 tháng 11 năm 2021 và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Công văn số 4018/STP-VB ngày 02 tháng 11 năm 2021 về dự thảo Quyết định ban hành Quy chế quản lý, vận hành và khai thác các hệ thống giám sát hình ảnh trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý, vận hành và khai thác các hệ thống giám sát hình ảnh trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 01 năm 2022.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Thủ trưởng các sở, ban, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND TP;
- Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam TP;
- TTUB: CT, các PCT;
- Các Đoàn thể Thành phố;
- VPUB: PCVP/KT;
- Các phòng, TTTH, TTCB;
- Lưu: VT (KT-P.Loan). 10



Dương Anh Đức



QUY CHẾ

Quản lý, vận hành và khai thác các hệ thống giám sát hình ảnh trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh
(Ban hành kèm theo Quyết định số 01 /2022/QĐ-UBND ngày 12 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định việc quản lý, lắp đặt, vận hành, tích hợp, khai thác và bảo dưỡng các hệ thống giám sát hình ảnh (gọi chung là hệ thống camera) trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Quy chế này không áp dụng đối với việc chia sẻ dữ liệu chứa thông tin thuộc phạm vi bí mật Nhà nước được quy định tại Luật Bảo vệ bí mật Nhà nước. Việc chia sẻ dữ liệu chứa thông tin bí mật Nhà nước được thực hiện theo quy định hiện hành.
3. Đối với các nội dung không được quy định tại Quy chế này thì tiếp tục áp dụng Quy chế về đảm bảo an toàn, an ninh thông tin thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Nhà nước trên địa bàn thành phố được ban hành theo Quyết định số 03/2018/QĐ-UBND ngày 24 tháng 01 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy chế về đảm bảo an toàn, an ninh thông tin thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh
4. Việc quản lý, lắp đặt, vận hành, tích hợp, khai thác và bảo dưỡng các hệ thống camera nghiệp vụ của Công an Thành phố không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chế và được quy định cụ thể theo Quy chế riêng do Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành.
5. Các hệ thống camera giám sát nội bộ của người dân, các tổ chức, doanh nghiệp không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chế, trừ các trường hợp được quy định tại Điều 15 của Quy chế này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Ủy ban nhân dân quận, huyện trên địa bàn thành phố; các tổ chức, cá nhân có các hoạt động liên quan đến các hệ thống camera giám sát trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Hệ thống camera hay hệ thống giám sát hình ảnh bao gồm thiết bị camera giám sát tại hiện trường, hệ thống thiết bị phục vụ ghi hình, quản lý và lưu trữ dữ liệu, các ứng dụng, phần mềm sử dụng trong hệ thống, mạng truyền dẫn dữ liệu và các thành phần khác để vận hành, hoạt động hệ thống.

2. Đơn vị quản lý hệ thống camera là đơn vị trực tiếp đầu tư hệ thống camera hoặc đơn vị được chủ đầu tư hệ thống camera giao quyền quản lý, vận hành thường xuyên hệ thống. Đơn vị quản lý hệ thống camera là đơn vị có trách nhiệm cung cấp, cập nhật dữ liệu camera cho hệ thống quản lý tập trung camera giám sát của thành phố theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Quy chế này.

3. Cơ quan Nhà nước bao gồm các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Ủy ban nhân dân quận, huyện trên địa bàn thành phố và các đơn vị trực thuộc.

4. Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong việc truy xuất dữ liệu camera bao gồm các đơn vị được phân quyền truy cập vào hệ thống quản lý tập trung camera giám sát của thành phố theo quy định tại Điều 7 của Quy chế này và các quy định pháp luật khác có liên quan

5. Đơn vị sử dụng dữ liệu bao gồm tất cả các đơn vị được cấp quyền hoặc tài khoản truy cập trực tiếp thông qua bất kỳ giải pháp, phương pháp kỹ thuật đã được Ủy ban nhân dân Thành phố hoặc cơ quan được Ủy ban nhân dân Thành phố ủy quyền phê duyệt để truy cập vào hệ thống quản lý tập trung camera giám sát của thành phố, trừ trường hợp dữ liệu camera được cơ quan Nhà nước công bố cho người dân, tổ chức, doanh nghiệp theo quy định tại Quy chế này.

6. Hệ thống quản lý tập trung camera giám sát của thành phố là hệ thống trang thiết bị phần cứng và phần mềm nhằm quản lý và hình thành cơ sở dữ liệu camera dùng chung phục vụ công tác giám sát an ninh và quản lý nhà nước trên các lĩnh vực; là đầu mối phân phối, chia sẻ dữ liệu camera theo phân cấp, phân quyền và chức năng, nhiệm vụ cho các cơ quan Nhà nước trên địa bàn Thành phố.

7. Chia sẻ dữ liệu là việc đơn vị quản lý hệ thống camera cung cấp, trích xuất dữ liệu hình ảnh camera cho đơn vị sử dụng dữ liệu và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền bằng các giải pháp kỹ thuật phù hợp, thông qua các hệ thống thông tin.

8. Tích hợp hệ thống là việc kết nối, chuẩn hóa dữ liệu hình ảnh camera, các giao thức, công cụ điều khiển hệ thống camera được đơn vị quản lý hệ thống camera cung cấp cho hệ thống quản lý tập trung camera giám sát của Thành phố thông qua các hệ thống thông tin bằng các giải pháp kỹ thuật phù hợp.

Điều 4. Hệ thống quản lý tập trung camera giám sát của Thành phố

1. Hệ thống quản lý tập trung camera giám sát của thành phố hướng đến mục tiêu xây dựng hệ thống dữ liệu hình ảnh camera dùng chung phục vụ công tác giám sát an ninh công cộng ở các khu vực, địa bàn trọng điểm, trụ sở các cơ

quan Đảng, Nhà nước, Chính phủ, cơ quan chính quyền, khu vực tổng lãnh sự quán, cơ quan đại diện ngoại giao các nước, khu công nghiệp, khu chế xuất trên địa bàn thành phố; giám sát tình hình giao thông tại các tuyến đường, các khu vực trung tâm, sân bay, nơi tập trung đông người như chợ, trường học, các địa bàn trọng điểm, nhằm đảm bảo an ninh trật tự, trật tự đô thị, trật tự an toàn giao thông, vệ sinh môi trường.

2. Hệ thống quản lý tập trung camera giám sát là một bộ phận cấu thành quan trọng tại Trung tâm điều hành đô thị thông minh thành phố.

3. Hệ thống quản lý tập trung camera giám sát không chỉ kết nối, tích hợp dữ liệu từ các hệ thống quản lý camera của các đơn vị trên địa bàn thành phố, mà còn có vai trò là đầu mối phân phối, chia sẻ dữ liệu camera theo phân cấp, phân quyền và chức năng, nhiệm vụ cho từng cơ quan, đơn vị.

Điều 5. Nguyên tắc chung

1. Việc quản lý, tích hợp, chia sẻ và khai thác hệ thống giám sát hình ảnh phải phù hợp với kiến trúc hệ thống quản lý tập trung camera giám sát trên địa bàn thành phố và các quy định có liên quan.

2. Dữ liệu hình thành trong hoạt động của hệ thống giám sát hình ảnh được đầu tư, quản lý, sử dụng và khai thác bởi cơ quan Nhà nước là tài sản của Nhà nước, được bảo vệ, chia sẻ và khai thác nhằm phục vụ công tác giám sát, đảm bảo an ninh trật tự, an toàn giao thông, trật tự đô thị và quản lý Nhà nước trên các lĩnh vực của cơ quan Nhà nước, hướng tới phục vụ người dân, tổ chức, doanh nghiệp.

3. Các đơn vị quản lý hệ thống camera phải có trách nhiệm chia sẻ dữ liệu hình ảnh giám sát tại các khu vực công cộng (đường phố, vỉa hè, công viên, quảng trường, bến xe, bến tàu, bệnh viện, trường học, sông ngòi, kênh rạch), các vị trí liên quan đến công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải trong phạm vi quản lý, sở hữu của đơn vị về hệ thống quản lý tập trung camera giám sát nhằm phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành tại Trung tâm điều hành đô thị thông minh của thành phố và công tác quản lý Nhà nước của các cơ quan có thẩm quyền.

4. Trong trường hợp cần triển khai lắp đặt thêm thiết bị giám sát hình ảnh tại các khu vực, địa điểm đã có dữ liệu giám sát hình ảnh được kết nối, tích hợp vào hệ thống quản lý tập trung camera giám sát của thành phố hoặc đã được chia sẻ từ hệ thống quản lý tập trung phải có sự thống nhất bằng văn bản của Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan, đơn vị có liên quan như Công an Thành phố, Sở Giao thông vận tải để thống nhất về việc triển khai lắp đặt camera tại các vị trí này.

5. Dữ liệu từ các hệ thống giám sát hình ảnh phải được kết nối, tích hợp, đồng bộ, thống nhất và đảm bảo chia sẻ cho các đơn vị có nhu cầu khai thác. Dữ liệu này phải được quản lý tập trung trong hệ thống quản lý tập trung camera giám sát của thành phố và có phương án sao lưu dự phòng về Trung tâm dữ liệu của Thành phố.

6. Tất cả thông tin liên quan đến dữ liệu từ các hệ thống giám sát hình ảnh được kết nối, quản lý tập trung phải đảm bảo tính cập nhật và chính xác.

7. Việc quản lý, tích hợp, chia sẻ, khai thác hệ thống quản lý tập trung hình ảnh giám sát phải tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn thông tin, an ninh mạng và các quy định có liên quan.

8. Việc lắp đặt các thiết bị camera giám sát trên địa bàn thành phố phải đảm bảo phù hợp về vị trí, tầm quan sát, tiêu chuẩn kỹ thuật, an toàn điện và phù hợp với kế hoạch phát triển mạng lưới camera giám sát của Thành phố.

Điều 6. Các hành vi bị nghiêm cấm

1. Cản trở hoạt động kết nối, quyền khai thác và sử dụng dữ liệu hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

2. Mua bán, chia sẻ dữ liệu vi phạm quy định tại Quy chế này và quy định của pháp luật có liên quan.

3. Vi phạm các quy định về quyền riêng tư, bảo mật thông tin dữ liệu khi lắp đặt thiết bị camera giám sát, kết nối, chia sẻ dữ liệu từ các hệ thống camera; trừ khi được quy định tại các văn bản pháp luật có liên quan.

4. Làm sai lệch dữ liệu trong quá trình kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu từ hệ thống quản lý tập trung camera giám sát của Thành phố.

5. Phá hoại cơ sở hạ tầng thông tin, làm gián đoạn việc kết nối, chia sẻ, khai thác hệ thống quản lý tập trung camera giám sát của Thành phố.

6. Sử dụng dữ liệu được khai thác từ hệ thống quản lý tập trung camera giám sát vào mục đích cá nhân hay thương mại mà không được Ủy ban nhân dân thành phố cho phép bằng văn bản, ngoại trừ các dữ liệu camera được công khai cho người dân và doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 10 và Điều 11 của Quy chế này.

7. Truy cập trái phép hoặc làm vô hiệu hóa tính năng kỹ thuật của hệ thống camera giám sát và hệ thống quản lý tập trung camera giám sát.

8. Kết nối, cài đặt trái phép các phần mềm, thiết bị khác vào hệ thống camera giám sát và hệ thống quản lý tập trung camera giám sát.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 7. Phân quyền quản lý, truy cập hệ thống quản lý tập trung camera giám sát của thành phố

1. Trung tâm điều hành đô thị thông minh thành phố được phân quyền truy cập cao nhất, nhằm đảm bảo phục vụ công tác chỉ huy, điều hành của lãnh đạo Thành ủy và Ủy ban nhân dân Thành phố trong mọi tình huống; được truy cập tất cả hình ảnh camera có trong hệ thống, không phân biệt camera an ninh, camera giám sát giao thông hay camera xã hội hóa với đầy đủ các tính năng. Đối với việc truy xuất dữ liệu từ camera nghiệp vụ thuộc quyền quản lý của Công an

Thành phố, phải đảm bảo phù hợp với Quyết định số 165/QĐ-TTg ngày 03 tháng 2 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án "Đầu tư lắp đặt camera giám sát, chỉ huy điều hành giao thông phục vụ an ninh trật tự và xử lý vi phạm hành chính", các quy định của Bộ Công an và các quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố. Trong trường hợp cần thiết đối với các sự vụ vượt thẩm quyền của các trung tâm điều hành, lãnh đạo Thành ủy và Ủy ban nhân dân Thành phố tại Trung tâm điều hành đô thị thông minh Thành phố có toàn quyền chỉ huy, đưa ra các mệnh lệnh điều hành đối với tất cả các trung tâm điều hành chuyên ngành để đảm bảo công tác chỉ đạo thống nhất của Thành phố. Trung tâm điều hành đô thị thông minh Thành phố là đầu não của hệ thống giám sát hình ảnh camera tập trung.

2. Hệ thống các trung tâm điều hành, chỉ huy ngành, lĩnh vực phục vụ cho công tác quản lý Nhà nước được phân quyền truy cập tương ứng vào hệ thống quản lý tập trung camera giám sát của Thành phố, căn cứ yêu cầu nhiệm vụ và lĩnh vực quản lý cụ thể theo quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố. Người đứng đầu các đơn vị có trách nhiệm ban hành các quy định cụ thể về trách nhiệm và quyền hạn của các cá nhân thuộc quyền quản lý đối với việc truy cập và sử dụng dữ liệu được khai thác từ hệ thống quản lý tập trung camera giám sát của thành phố, phù hợp với tình hình thực tế của từng đơn vị.

3. Hệ thống các trung tâm điều hành, chỉ huy thành phố Thủ Đức và các quận, huyện được phân quyền truy cập, giám sát, xử lý hình ảnh đối với các camera trên địa bàn quản lý. Trung tâm điều hành, chỉ huy thành phố Thủ Đức và các quận, huyện có khả năng kết nối, chia sẻ thông tin và hình ảnh cho các trung tâm giám sát khác thông qua hệ thống quản lý tập trung camera giám sát của thành phố.

4. Việc phân quyền quản lý, truy cập hệ thống quản lý tập trung camera giám sát của Công an Thành phố được thực hiện theo Khoản 1 của Điều này và theo quy chế cụ thể do Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành.

5. Ngoài các đơn vị nêu trên, Sở Thông tin và Truyền thông là đơn vị chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan xây dựng, thường xuyên cập nhật các đối tượng sử dụng mới và phân quyền truy cập của hệ thống phù hợp với tình hình thực tế, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các đối tượng này.

Điều 8. Danh mục các dữ liệu, thông tin được quản lý tập trung

Danh mục các dữ liệu, thông tin liên quan hệ thống quản lý tập trung camera giám sát của Thành phố gồm ít nhất các thông tin sau:

1. Các thông tin liên quan đến thiết bị camera.
2. Đơn vị cung cấp, cập nhật dữ liệu.
3. Hình thức cập nhật dữ liệu.
4. Tần suất cập nhật dữ liệu.
5. Đơn vị sử dụng dữ liệu.

Điều 9. Quy định về cung cấp, cập nhật dữ liệu đối với hệ thống quản lý tập trung camera giám sát

1. Đơn vị quản lý hệ thống camera có trách nhiệm tạo lập, duy trì, cập nhật dữ liệu liên quan đến hệ thống cho hệ thống quản lý tập trung camera giám sát của thành phố trong vòng 10 ngày làm việc kể từ khi có sự thay đổi hoặc sau khi triển khai lắp đặt mới thiết bị camera; cung cấp các thông tin, tài liệu kỹ thuật cần thiết phục vụ tích hợp, chia sẻ dữ liệu vào hệ thống quản lý tập trung camera giám sát theo danh mục dữ liệu được quy định tại Điều 8 của Quy chế này.

2. Việc tích hợp, kết nối, chia sẻ, sử dụng, khai thác dữ liệu hình ảnh hệ thống quản lý tập trung camera giám sát được thực hiện thông qua các dịch vụ truy cập trực tuyến, di động, các giao diện lập trình ứng dụng, các công cụ phát triển phần mềm, và các phương thức, giải pháp kỹ thuật khai thác dữ liệu khác.

3. Đơn vị quản lý hệ thống camera có trách nhiệm phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan liên quan để kết nối, tích hợp và chia sẻ dữ liệu hình ảnh, quyền điều khiển hệ thống cho hệ thống quản lý tập trung camera giám sát của Thành phố.

Điều 10. Quy định về khai thác hệ thống quản lý tập trung camera giám sát

1. Các cơ quan Nhà nước được khai thác sử dụng thông tin thuộc hệ thống quản lý tập trung camera giám sát theo phân quyền được quy định tại Điều 7 của Quy chế này, phục vụ cho mục tiêu quản lý và điều hành trong phạm vi chức năng của cơ quan mình, nâng cao hiệu suất nghiệp vụ chuyên ngành và phục vụ lãnh đạo cơ quan ra chính sách và quyết định qua thống kê, phân tích, đánh giá, dự báo.

2. Các cơ quan Nhà nước trên một số lĩnh vực (giao thông vận tải, y tế, giáo dục, tài nguyên môi trường) được cung cấp dữ liệu khai thác từ hệ thống quản lý tập trung camera giám sát của thành phố và dữ liệu từ hệ thống camera do đơn vị trực tiếp quản lý để cung cấp dịch vụ công cho người dân và doanh nghiệp nhằm phục vụ tốt hơn và góp phần cho sự phát triển của Thành phố.

3. Các cơ quan Nhà nước được cấp tài khoản và phân quyền khai thác, sử dụng dữ liệu hệ thống quản lý tập trung camera giám sát thuộc phạm vi quản lý của cơ quan mình. Việc khai thác dữ liệu dùng chung ngoài phạm vi quản lý phải được sự đồng ý bằng văn bản của Ủy ban nhân dân Thành phố.

4. Mọi vi phạm, hành vi lạm dụng, đánh cắp dữ liệu phải được báo cáo ngay cho Ủy ban nhân dân thành phố thông qua Sở Thông tin và Truyền thông và được xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 11. Quy định về công bố dữ liệu camera cung cấp cho cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp

1. Một phần dữ liệu thuộc hệ thống quản lý tập trung camera giám sát của thành phố được chia sẻ cho cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp thông qua dịch vụ

truy cập trực tuyến, ứng dụng di động hoặc các giao thức kỹ thuật khác để khai thác sử dụng, góp phần phát triển kinh tế, xã hội cho Thành phố và tạo thuận tiện hơn cho người dân và cộng đồng.

2. Giao Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố ban hành danh mục dữ liệu và lĩnh vực cụ thể được phép chia sẻ cho cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp khai thác, sử dụng.

Điều 12. Quy định về đảm bảo an toàn thông tin cho hệ thống quản lý tập trung camera giám sát

1. Các tổ chức, cá nhân có các hoạt động liên quan đến hệ thống quản lý tập trung camera giám sát phải tuân thủ Quy chế về đảm bảo an toàn, an ninh thông tin thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Nhà nước trên địa bàn Thành phố được ban hành theo Quyết định số 03/2018/QĐ-UBND ngày 24 tháng 01 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Các đơn vị quản lý hệ thống camera có trách nhiệm phân công nhân sự phụ trách quản trị hệ thống của đơn vị mình; quản lý, lưu trữ bảo mật và thường xuyên thay đổi mật khẩu tài khoản quản trị. Việc cấp, quản lý tài khoản truy cập vào các hệ thống camera thuộc quản lý của đơn vị phải phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và phân quyền của từng đối tượng sử dụng.

3. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị và các cá nhân được cấp tài khoản truy cập vào hệ thống quản lý tập trung camera giám sát của Thành phố có trách nhiệm quản lý tài khoản được cấp, thường xuyên thay đổi mật khẩu truy cập và áp dụng các biện pháp phù hợp để phòng, chống các hành vi truy cập, xâm nhập và khai thác trái phép vào hệ thống quản lý tập trung camera giám sát của Thành phố.

4. Việc kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu từ hệ thống quản lý tập trung camera giám sát được thực hiện thông qua mạng viễn thông dùng riêng, mạng truyền số liệu chuyên dùng của thành phố hoặc sử dụng các dịch vụ của mạng đô thị băng rộng do doanh nghiệp viễn thông cung cấp; trừ trường hợp thuộc Khoản 5 Điều này.

5. Đối với dữ liệu thuộc các lĩnh vực được chia sẻ cho cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp khai thác sử dụng do cơ quan Nhà nước cung cấp theo quy định tại Điều 11 của Quy chế này, việc kết nối, chia sẻ và khai thác dữ liệu được thực hiện qua mạng viễn thông công cộng sau khi đã được áp dụng các biện pháp kỹ thuật nhằm đảm bảo an toàn, an ninh thông tin cho hệ thống. Việc kết nối, chia sẻ và khai thác dữ liệu hệ thống quản lý tập trung camera giám sát qua mạng viễn thông công cộng phải được kiểm tra an toàn thông tin định kỳ 06 tháng/lần bởi các cơ quan chuyên môn có thẩm quyền.

6. Các hoạt động thay đổi về dữ liệu, quá trình đăng nhập hệ thống phải được ghi nhận vào nhật ký của hệ thống quản lý tập trung camera giám sát.

Điều 13. Xây dựng kế hoạch phát triển mạng lưới camera giám sát cho Thành phố

Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan nghiên cứu xây dựng kế hoạch tổng thể về mạng lưới camera giám sát cho Thành phố trên cơ sở đáp ứng các nguyên tắc sau:

1. Mạng lưới camera phải đảm bảo độ phủ, tầm quan sát, góc quan sát phù hợp với mục đích sử dụng và mục tiêu, đối tượng cần giám sát. Việc triển khai lắp đặt hệ thống camera giám sát phải đảm bảo đầu tư đồng bộ, không trùng lắp về vị trí, góc quan sát, mục đích sử dụng và mục tiêu, đối tượng cần giám sát, trừ trường hợp camera nghiệp vụ của Công an Thành phố, hướng đến việc sử dụng chung dữ liệu camera trên địa bàn thành phố.

2. Thiết lập nhiều lớp camera ở các độ cao khác nhau, bao gồm, nhưng không bị giới hạn, như sau:

a) Độ cao từ 20 mét trở lên: lắp đặt trên nóc các tòa nhà cao tầng, các trụ anten, trụ thu phát sóng di động để phục vụ việc giám sát toàn cảnh, tổng thể ở một khu vực rộng lớn nhằm phát hiện các dấu hiệu như khói, lửa, hoặc phát hiện sự thay đổi về hiện trạng khu vực được giám sát.

b) Độ cao từ 10 mét đến dưới 20 mét: Phục vụ giám sát toàn cảnh tại các quảng trường, vòng xoay, khu vực có tầm quan sát rộng, nhà ga, bến cảng, đường cao tốc.

c) Độ cao từ 05 mét đến dưới 10 mét: Phục vụ giám sát tình hình an ninh trật tự tại các khu vực trọng điểm, tình hình giao thông trên các tuyến đường, theo dõi hành vi và hướng di chuyển của các đối tượng cần giám sát.

d) Độ cao từ 03 mét đến dưới 05 mét: Phục vụ giám sát, phát hiện các hành vi, trạng thái cụ thể của đối tượng, nhận dạng biển số phương tiện giao thông, giám sát các khu vực không yêu cầu phạm vi quan sát rộng như các tuyến hẻm, đường nhỏ.

đ) Độ cao dưới 03 mét: Phục vụ cho những mục đích giám sát chuyên dụng như nhận diện khuôn mặt phục vụ phát hiện đối tượng trong danh sách theo dõi, giám sát mực nước triều cường, cảnh báo tình trạng ngập úng và các mục đích giám sát chuyên dụng khác.

3. Bên cạnh việc thiết lập các lớp độ cao lắp đặt camera, việc xây dựng kế hoạch cần chú ý lựa chọn vị trí lắp đặt, góc quan sát, vùng quan sát phù hợp với từng mục đích sử dụng cụ thể.

4. Nghiên cứu xây dựng mạng cáp quang truyền dẫn dùng riêng cho các thiết bị IoT, camera, cho các dịch vụ ứng cứu khẩn cấp và phục vụ kết nối các thành phần của đô thị thông minh của thành phố, đảm bảo tối ưu hóa về băng thông, đường truyền, tạo điều kiện thuận lợi hơn khi các đơn vị triển khai hệ thống camera giám sát trên địa bàn thành phố. Mạng lưới truyền dẫn phải phù hợp với hiện trạng và tiến độ ngầm hóa lưới điện, chiếu sáng và mạng viễn thông đang được các doanh nghiệp triển khai; đồng thời phải đảm bảo khả năng

đễ dàng mở rộng và nâng cấp tương ứng với nhu cầu sử dụng ngày càng tăng của các dịch vụ đô thị thông minh.

5. Nghiên cứu phương án thiết lập mạng truyền dẫn không dây dùng riêng cho thành phố nhằm đảm bảo mạng lưới truyền dẫn dùng riêng cho đô thị thông minh phủ khắp địa bàn Thành phố.

6. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị liên quan nghiên cứu ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI) trong xử lý dữ liệu, hình ảnh camera phục vụ công tác quản lý Nhà nước trên các lĩnh vực, phù hợp với xu hướng phát triển của Cách mạng công nghiệp lần thứ 4.

Điều 14. Quy định chung về lắp đặt các hệ thống camera giám sát trên địa bàn Thành phố

1. Việc triển khai, vận hành hệ thống camera phải bảo đảm các yêu cầu về chất lượng, về công nghệ, quy trình cung cấp dịch vụ; tính liên tục, liên thông, kết nối, đồng bộ với các hệ thống camera và hệ thống phục vụ công tác quản lý điều hành của thành phố để truy cập khi cần thiết.

2. Khi triển khai các hệ thống camera giám sát, các đơn vị quản lý hệ thống camera phải đảm bảo chia sẻ tín hiệu hình ảnh, tích hợp về Trung tâm điều hành đô thị thông minh của thành phố ngay khi hoàn thành các dự án triển khai, đầu tư hệ thống; phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông trong 10 ngày làm việc để triển khai các phương án kỹ thuật kết nối về Trung tâm điều hành đô thị thông minh và hệ thống quản lý tập trung camera giám sát của Thành phố.

3. Việc lắp đặt các hệ thống camera nằm trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đang khai thác phải tuân thủ các quy định tại Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ Giao thông vận tải về hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-GP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Bộ Giao thông vận tải về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT và Quyết định số 09/2014/QĐ-UBND ngày 20 tháng 02 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy định về thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn Thành phố.

4. Giao Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu quy định về thời gian lưu trữ tối thiểu đối với các dữ liệu của hệ thống camera giám sát, bao gồm chế độ sao lưu và trách nhiệm cung cấp dữ liệu đã sao lưu của các đơn vị quản lý hệ thống camera cho các cơ quan chức năng khi cần thiết, đảm bảo phù hợp với sự phát triển của công nghệ và các quy định hiện hành.

Điều 15. Quy định về lắp đặt thiết bị camera nơi công cộng

1. Việc lắp đặt các thiết bị camera giám sát nơi công cộng phải được thực hiện bởi các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc đơn vị được cơ quan

Nhà nước có thẩm quyền giao đầu tư, quản lý địa điểm đó; có sự đồng thuận bằng văn bản về vị trí và phương án kỹ thuật của Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan chức năng có liên quan hoặc đơn vị được các cơ quan này ủy quyền bằng văn bản; đồng thời, phải đảm bảo phù hợp với kế hoạch phát triển mạng lưới camera giám sát của Thành phố.

2. Ưu tiên sử dụng chung hạ tầng lắp đặt hệ thống camera như cột, trụ, tủ kỹ thuật tại cùng một vị trí hoặc có sự phối hợp triển khai thi công đồng bộ giữa các đơn vị nhằm đảm bảo mỹ quan đô thị.

3. Đối với hệ thống camera lắp đặt tại các điểm tập kết chất thải, trạm trung chuyển, nhà máy xử lý chất thải, các khu xử lý chất thải tập trung và các địa điểm liên quan đến công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải theo quy định của Sở Tài nguyên và Môi trường, đơn vị quản lý hệ thống camera có trách nhiệm báo cáo phương án kỹ thuật và vị trí lắp đặt cho Sở Tài nguyên và Môi trường; đồng thời, chịu trách nhiệm phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông để kết nối dữ liệu hình ảnh vào hệ thống quản lý tập trung camera giám sát của thành phố.

4. Đối với hệ thống camera lắp đặt tại các bệnh viện, trường học, đơn vị quản lý hệ thống phải báo cáo phương án kỹ thuật và vị trí lắp đặt cho Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo; đồng thời, chịu trách nhiệm phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông để kết nối dữ liệu hình ảnh vào hệ thống quản lý tập trung camera giám sát của Thành phố.

5. Đối với hệ thống camera lắp đặt tại các khu dân cư, khu đô thị mới, chủ đầu tư các khu vực này có trách nhiệm báo cáo phương án kỹ thuật, vị trí lắp đặt cho Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Ủy ban nhân dân quận, huyện quản lý trực tiếp địa bàn; đồng thời, thực hiện ngay phương án kết nối, tích hợp và chia sẻ hình ảnh cho hệ thống quản lý camera tập trung của quận huyện trong vòng 10 ngày làm việc sau khi hoàn tất việc lắp đặt và đưa vào sử dụng hệ thống camera giám sát tại khu vực. Kinh phí thực hiện tích hợp do chủ đầu tư khu dân cư, khu đô thị mới chịu trách nhiệm chi trả.

6. Đối với camera do cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp lắp đặt nhằm giám sát an ninh, bảo vệ tài sản của chính cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp mà có một phần tầm quan sát bao phủ khu vực công cộng (via hè, lòng đường,...):

a) Cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp có trách nhiệm điều chỉnh thiết bị camera đảm bảo chỉ quan sát trong phạm vi ranh diện tích sở hữu hoặc diện tích sử dụng khu vực thuộc quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng của cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp đó.

b) Cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp có trách nhiệm phối hợp cung cấp dữ liệu từ hệ thống camera giám sát thuộc quyền sở hữu của mình cho các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền khi được yêu cầu nhằm phục vụ công tác quản lý nhà nước trên các lĩnh vực.

c) Nghiêm cấm cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp lợi dụng việc lắp đặt thiết bị camera nhằm xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp khác theo quy định pháp luật có liên quan.

d) Mọi hành vi vi phạm quy định thuộc quy chế này hoặc các quy định có liên quan đều bị xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 16. Quy định về bảo trì, bảo dưỡng hệ thống camera giám sát.

1. Đơn vị quản lý hệ thống camera có trách nhiệm thường xuyên theo dõi tình trạng hoạt động của hệ thống camera giám sát, định kỳ 06 tháng thực hiện bảo trì, bảo dưỡng hệ thống, đặc biệt đối với các hệ thống camera được đầu tư bằng ngân sách Nhà nước.

2. Đơn vị quản lý hệ thống camera có trách nhiệm khắc phục các hư hỏng phát sinh trong quá trình vận hành hệ thống, đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định, bình thường trong vòng 05 ngày làm việc kể từ khi phát hiện sự cố hoặc được các đơn vị liên quan thông báo về sự cố phát sinh.

3. Kinh phí thực hiện bảo trì, bảo dưỡng do đơn vị quản lý hệ thống camera lập dự toán và đề xuất bằng nguồn ngân sách vận hành thường xuyên hàng năm của đơn vị.

4. Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức hướng dẫn chi tiết về quy trình bảo trì, bảo dưỡng hệ thống camera giám sát trên địa bàn thành phố.

Điều 17. Quy định về đầu tư các hệ thống camera giám sát trên địa bàn thành phố

1. Phải đảm bảo thực hiện đúng quy định theo Luật Đầu tư công và các quy định, hướng dẫn có liên quan; phải lấy ý kiến thẩm định chuyên ngành của Sở Thông tin và Truyền thông theo quy định pháp luật, nhằm đảm bảo tính đồng bộ và tương thích giữa các hệ thống camera đang triển khai trên địa bàn thành phố.

2. Đối với các hệ thống camera giám sát phục vụ công tác quản lý Nhà nước trên các lĩnh vực của các sở, ban, ngành, giám sát an ninh trật tự tại các vị trí trọng điểm trên địa bàn thành phố, ưu tiên đề xuất, bố trí và sử dụng ngân sách thành phố để đầu tư thực hiện theo các quy định pháp luật có liên quan.

3. Đối với các hệ thống camera giám sát phục vụ quản lý Nhà nước tại Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Ủy ban nhân dân quận, huyện, ưu tiên đề xuất, bố trí và sử dụng ngân sách được phân bổ cho địa phương hoặc các nguồn kinh phí khác để đầu tư thực hiện phù hợp với nhu cầu của địa phương và các quy định pháp luật có liên quan.

4. Đối với việc tích hợp các hệ thống camera được đầu tư nguồn vận động của người dân, tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Ủy ban nhân dân quận, huyện, ưu tiên đề xuất, bố trí và sử dụng các nguồn kinh phí ngoài ngân sách để thực hiện, hạn chế sử dụng vốn ngân sách tập trung hoặc ngân sách được phân bổ cho địa phương để thực hiện việc tích hợp, quản lý tập trung đối với các hệ thống này.

Điều 18. Kinh phí bảo đảm cho hệ thống quản lý tập trung camera giám sát của Thành phố

1. Ngân sách thành phố bảo đảm cho việc đầu tư, vận hành, hoạt động của hệ thống quản lý tập trung camera giám sát.

2. Ngoài kinh phí do ngân sách thành phố bảo đảm, Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị liên quan được sử dụng các nguồn kinh phí hợp pháp khác để thực hiện tạo lập dữ liệu, kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu từ hệ thống quản lý tập trung camera giám sát theo quy định pháp luật.

Chương III

TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRONG VIỆC QUẢN LÝ, TÍCH HỢP, VẬN HÀNH, KHAI THÁC CÁC HỆ THỐNG QUẢN LÝ CAMERA CỦA THÀNH PHỐ

Điều 19. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông

Sở Thông tin và Truyền thông là đầu mối điều phối công tác vận hành, quản lý và khai thác hệ thống quản lý tập trung camera giám sát của thành phố phục vụ nhiệm vụ quản lý Nhà nước, đáp ứng yêu cầu của các đơn vị sử dụng và theo quy định của pháp luật, dưới sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố, cụ thể như sau:

1. Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố ban hành, cập nhật và điều chỉnh Quy chế này và các quy định liên quan đến quản lý, tích hợp, triển khai hệ thống quản lý tập trung camera giám sát của Thành phố.

2. Phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố công bố, cập nhật, sửa đổi, bổ sung danh mục các dữ liệu, thông tin liên quan hệ thống quản lý tập trung camera giám sát của thành phố phải được chia sẻ cho các cơ quan, đơn vị nhằm phục vụ cho công tác tác nghiệp, quản lý, chỉ đạo điều hành của đơn vị.

3. Ban hành các tài liệu hướng dẫn liên quan đến cơ chế, chính sách, quy trình phối hợp, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật về đầu tư, lắp đặt, cập nhật, tích hợp, quản lý, khai thác dữ liệu, chế độ sao lưu dự phòng liên quan đến hệ thống camera giám sát trên địa bàn thành phố.

4. Cấp phát, quản lý tài khoản sử dụng hệ thống quản lý tập trung camera giám sát của thành phố; định kỳ rà soát các tài khoản truy cập vào hệ thống.

5. Chủ trì, tổ chức kiểm tra, theo dõi, giám sát việc tích hợp, cập nhật dữ liệu về hệ thống quản lý tập trung camera giám sát của thành phố. Phối hợp Sở Nội vụ đề xuất các cơ chế chính sách cần thiết, kiến nghị các hình thức khen thưởng, kỷ luật nhằm đảm bảo hiệu quả của việc triển khai, vận hành hệ thống quản lý tập trung camera giám sát của Thành phố.

6. Chủ trì, phối hợp sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Ủy ban nhân dân quận, huyện xây dựng và tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành kế hoạch phát triển mạng lưới camera giám sát trên địa bàn thành phố.

7. Phối hợp các đơn vị tổng hợp dự toán kinh phí hàng năm, kế hoạch vốn đối với các dự án đầu tư, quản lý, tích hợp hệ thống camera giám sát trên địa bàn thành phố; trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, phê duyệt nguồn vốn; phối hợp Chủ đầu tư các dự án có trách nhiệm quản lý, sử dụng hiệu quả, tiết kiệm đúng quy định pháp luật.

8. Phối hợp các đơn vị liên quan đảm bảo hạ tầng và an toàn an ninh vận hành hệ thống quản lý tập trung camera giám sát của Thành phố.

Điều 20. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ

Phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố công tác phát triển các ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI) trong xử lý dữ liệu, hình ảnh camera phục vụ công tác quản lý Nhà nước đảm bảo việc quản lý, kết nối, chia sẻ, vận hành và khai thác các hệ thống camera theo Quy chế này.

Điều 21. Trách nhiệm của Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư

Phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố bố trí dự toán ngân sách để triển khai tổ chức thực hiện công tác quản lý, kết nối, chia sẻ, vận hành và khai thác các hệ thống camera theo Quy chế này.

Điều 22. Trách nhiệm của các đơn vị quản lý và cung cấp dữ liệu hệ thống camera giám sát

1. Phân công 01 cán bộ lãnh đạo làm đầu mối để phối hợp thực hiện các công việc liên quan đến quản lý và chia sẻ dữ liệu các hệ thống camera thuộc phạm vi quản lý.

2. Tạo lập, duy trì, cập nhật dữ liệu, cung cấp các tài liệu kỹ thuật cần thiết phục vụ tích hợp, chia sẻ dữ liệu vào hệ thống quản lý tập trung camera giám sát theo danh mục các dữ liệu, thông tin được quy định tại Điều 8.

3. Bảo đảm việc tích hợp, chia sẻ dữ liệu về hệ thống quản lý tập trung camera giám sát của thành phố kịp thời, nhất quán, chính xác, đầy đủ và liên tục, theo đó các dữ liệu phát sinh mới phải được cập nhật về hệ thống theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật và tần suất cập nhật theo hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông.

4. Khi triển khai đầu tư, lắp đặt, nâng cấp các hệ thống camera phải thực hiện theo đúng các tiêu chuẩn, hướng dẫn kỹ thuật của Sở Thông tin và Truyền thông.

5. Thường xuyên cung cấp thông tin cho Sở Thông tin và Truyền thông về tình hình và tiến độ triển khai các hệ thống camera giám sát, đặc biệt là các hệ thống camera giám sát chuyên ngành; đồng thời, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, cung cấp các tài liệu kỹ thuật cần thiết để thực hiện tích hợp cơ sở dữ liệu chuyên ngành về hệ thống quản lý tập trung camera giám sát nhằm phục vụ cho công tác chia sẻ, khai thác.

6. Chịu trách nhiệm bảo trì, bảo dưỡng, thay thế thiết bị thuộc hệ thống camera giám sát trong trường hợp phát sinh hư hỏng; đảm bảo hạn chế gây gián đoạn việc tích hợp, chia sẻ dữ liệu cho hệ thống quản lý tập trung camera giám sát của Thành phố.

Điều 23. Trách nhiệm của các đơn vị sử dụng dữ liệu hệ thống quản lý tập trung camera giám sát của Thành phố

1. Phân công 01 cán bộ lãnh đạo làm đầu mối để phối hợp thực hiện các công việc liên quan đến tiếp nhận và khai thác dữ liệu hệ thống quản lý tập trung camera giám sát của Thành phố.

2. Các cơ quan, đơn vị, cá nhân chỉ sử dụng dữ liệu được chia sẻ phục vụ cho công tác quản lý Nhà nước và trong quá trình thực thi công vụ hoặc chia sẻ, công bố cho cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp theo quy định tại Điều 10, Điều 11 và Điều 12 của Quy chế này.

3. Đảm bảo an toàn bảo mật thông tin của dữ liệu trích xuất từ hệ thống quản lý tập trung camera giám sát của Thành phố, tuyệt đối không rò rỉ, chia sẻ thông tin với đơn vị bên ngoài nếu không có chấp thuận bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền.

4. Thông báo cho Sở Thông tin và Truyền thông trong trường hợp phát hiện các vấn đề ảnh hưởng đến kết nối, chia sẻ dữ liệu, dữ liệu không chính xác, không được cập nhật kịp thời.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 24. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Các đơn vị và cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc tuân thủ và thực hiện Quy chế này sẽ được xem xét khen thưởng theo quy định.

2. Mọi hành vi vi phạm các điều khoản trong Quy chế này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật, xử lý vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Giao Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị liên quan đề xuất hình thức khen thưởng, kỷ luật và xử lý vi phạm phù hợp đối với trường hợp cán bộ, công chức, viên chức vi phạm trong quá trình thực hiện Quy chế này; nghiên cứu bổ sung kết quả chấp hành Quy chế này vào tiêu chí đánh giá, phân loại chất lượng thực hiện nhiệm vụ chính trị của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Ủy ban nhân dân quận, huyện.

Điều 25. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các đơn vị có trách nhiệm tổ chức triển khai và thực hiện Quy chế này tại đơn vị.

2. Trong trường hợp các hệ thống camera đã được triển khai trước khi Quy chế có hiệu lực thi hành, đề nghị đơn vị quản lý hệ thống camera chủ động phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông để rà soát, điều chỉnh quy trình quản lý, vận hành và khai thác hệ thống cho phù hợp với Quy chế này.

3. Sở Thông tin và Truyền thông hướng dẫn, đôn đốc và kiểm tra các đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện Quy chế này.

4. Giao Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ và các đơn vị liên quan đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố thành lập đoàn kiểm tra giám sát việc thực hiện Quy chế này.

5. Định kỳ 6 tháng, các đơn vị báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố (thông qua Sở Thông tin và Truyền thông) về tình hình triển khai đầu tư xây dựng, chia sẻ, khai thác dữ liệu; đồng thời đề xuất các yêu cầu phát triển, mở rộng danh mục các dữ liệu, thông tin liên quan hệ thống quản lý tập trung camera giám sát của thành phố nhằm phục vụ cho công tác tác nghiệp, quản lý của đơn vị.

6. Trong quá trình thực hiện Quy chế này, nếu có vấn đề phát sinh, vướng mắc, các đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, sửa đổi, bổ sung./.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ